TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 338/2022/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 22 tháng 8 năm 2022;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Bà Đinh Thị Bảo T, sinh năm 1995; Địa chỉ: K87/79 đường H phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

- Ông Trần Xuân S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 38, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân S và bà Đinh Thị Bảo T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà sinh sống tại tổ 38 phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông S, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà T, ông S vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy bà T, ông S thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận

tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Bà Đinh Thị Bảo T và ông Trần Xuân S thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Trần Xuân T, sinh ngày 11/8/2017. Ly hôn bà T, ông S thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Trần Xuân T, sinh ngày 11/8/2017 cho bà Đinh Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Xuân S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Xuân S bà Đinh Thị Bảo T xác định không có.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Xuân S bà Đinh Thị Bảo T xác định không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự bà Đinh Thị Bảo T và ông Trần Xuân S, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đinh Thị Bảo T và ông Trần Xuân S thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà Đinh Thị Bảo T và ông Trần Xuân S về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung Trần Xuân T, sinh ngày 11/8/2017 cho bà Đinh Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Xuân S cấp dưỡng nuôi con chung Trần Xuân Trọng mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Đinh Thị Bảo T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Xuân S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông S còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Ông Trần Xuân S bà Đinh Thị Bảo T xác định không có.

Về nợ chung: Ông Trần Xuân S bà Đinh Thị Bảo T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trần Xuân S, bà Đinh Thị Bảo T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002029 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông S, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***4**. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa An, quận Cẩm Lệ (GCNKH số 93/2016 ngày 26/8/2016)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương